



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2020



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thông tin về Công ty**

**Các văn bản thành lập**

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch (từ ngày 5/7/2020) Ủy viên (đến ngày 4/7/2020)
Ông Trịnh Quang Vinh	Chủ tịch (đến ngày 5/7/2020)
Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên
Ông Phan Phương Anh	Ủy viên
Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Kiều Văn Chiến	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hải	Thành viên
Ông Doãn Duy Đạo	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Vũ Hồng Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Công	Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 20, Tòa nhà Mipex Tower  
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**


Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Vũ Hồng Khánh   
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00229-21-1



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Y  
H  
H  
H

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.200.424.255.850</b>	<b>1.243.117.811.044</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>46.942.876.357</b>	<b>36.808.365.238</b>
Tiền	111		46.942.876.357	36.808.365.238
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>740.090.000.000</b>	<b>714.880.000.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(1.620.000.000)	(1.030.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	739.100.000.000	713.300.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>319.043.678.960</b>	<b>341.668.760.102</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	227.079.005.015	223.793.883.397
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.903.948.379	8.952.228.062
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	86.060.725.566	108.922.648.643
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>71.841.731.741</b>	<b>118.224.677.286</b>
Hàng tồn kho	141		71.841.731.741	118.224.677.286
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.505.968.792</b>	<b>31.536.008.418</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		458.203.270	34.493.455
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		22.047.765.522	30.515.359.680
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	-	986.155.283

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>501.672.808.104</b>	<b>538.240.494.548</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>185.037.491.857</b>	<b>217.901.143.033</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	176.343.926.365	209.670.419.702
Nguyên giá	222		532.356.103.324	528.876.838.889
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(356.012.176.959)	(319.206.419.187)
Tài sản cố định vô hình	227	10	8.693.565.492	8.230.723.331
Nguyên giá	228		21.757.742.206	21.135.219.106
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.064.176.714)	(12.904.495.775)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>11</b>	<b>6.826.104.545</b>	<b>7.008.697.877</b>
Nguyên giá	231		9.043.165.265	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.217.060.720)	(2.034.467.388)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.542.888.283</b>	<b>11.771.694.697</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	4.542.888.283	11.771.694.697
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>198.487.708.826</b>	<b>186.487.708.826</b>
Đầu tư vào công ty con	251	5(c)	198.487.708.826	186.487.708.826
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>106.778.614.593</b>	<b>115.071.250.115</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	106.668.946.934	114.840.357.445
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		109.667.659	230.892.670
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.702.097.063.954</b>	<b>1.781.358.305.592</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>939.707.507.709</b>	<b>924.145.400.782</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>927.289.073.460</b>	<b>907.091.020.288</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	203.891.129.712	233.989.982.724
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		282.815.526	947.600.139
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	7.219.203.314	5.894.341.873
Phải trả người lao động	314		19.883.389.146	12.588.258.407
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.295.697.403	11.320.823.997
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		164.356.803	164.215.598
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	3.383.871.049	4.710.364.383
Vay ngắn hạn	320	18	679.568.464.744	627.915.233.786
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		9.572.880.967	4.283.023.579
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	2.027.264.796	5.277.175.802
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.418.434.249</b>	<b>17.054.380.494</b>
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	12.418.434.249	17.054.380.494
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>762.389.556.245</b>	<b>857.212.904.810</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>762.389.556.245</b>	<b>857.212.904.810</b>
Vốn cổ phần	411	21	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	21	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	111.883.086.895	97.138.736.344
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.129.789.350	156.697.488.466
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		8.029.025.015	7.178.845.873
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		39.100.764.335	149.518.642.593
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.702.097.063.954</b>	<b>1.781.358.305.592</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Phan Quang Thành  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi  
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>2.151.155.047.548</b>	<b>2.457.419.900.729</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>25</b>	<b>3.253.764.484</b>	<b>3.363.522.869</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>2.147.901.283.064</b>	<b>2.454.056.377.860</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>2.030.725.015.092</b>	<b>2.328.519.798.655</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>117.176.267.972</b>	<b>125.536.579.205</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	120.649.689.407	153.761.279.863
Chi phí tài chính	22	28	33.700.064.007	45.038.134.423
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.812.729.077	44.110.589.461
Chi phí bán hàng	25	29	41.593.538.559	36.746.839.931
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	44.385.628.993	39.692.349.204
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>118.146.725.820</b>	<b>157.820.535.510</b>
Thu nhập khác	31		3.943.244.163	5.261.315.850
Chi phí khác	32		44	723.078.825
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>3.943.244.119</b>	<b>4.538.237.025</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>122.089.969.939</b>	<b>162.358.772.535</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>32</b>	<b>10.460.838.593</b>	<b>13.071.022.612</b>
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>32</b>	<b>121.225.011</b>	<b>(230.892.670)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>111.507.906.335</b>	<b>149.518.642.593</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Phan Quang Thành  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đỗ Thị Vân Chi  
Kế toán trưởngVũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2020 VND</b>	<b>2019 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>122.089.969.939</b>	<b>162.358.772.535</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	37.760.501.975	41.033.382.726
Các khoản dự phòng	03	5.879.857.388	3.713.023.579
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(17.148.122)	(20.235.761)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(117.126.057.324)	(145.113.361.887)
Chi phí lãi vay	06	30.812.729.077	44.110.589.461
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>79.399.852.933</b>	<b>106.082.170.653</b>
Biến động các khoản phải thu	09	22.518.563.319	16.965.351.381
Biến động hàng tồn kho	10	46.382.945.545	(13.984.647.377)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(36.973.968.660)	79.309.072.442
Biến động chi phí trả trước	12	7.135.230.764	16.738.321.402
		<b>118.462.623.901</b>	<b>205.110.268.501</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(30.901.356.024)	(44.517.065.147)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.972.743.893)	(12.755.892.926)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(16.495.453.906)	(10.627.604.419)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>62.093.070.078</b>	<b>137.209.706.009</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(12.129.612.321)	(12.181.679.021)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	224.545.455
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(1.347.300.000.000)	(1.392.300.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	1.321.500.000.000	1.368.300.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(12.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	139.381.935.872	134.732.575.284
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>89.452.323.551</b>	<b>98.775.441.718</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	1.846.920.720.506	2.147.059.124.914
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.795.267.489.548)	(2.273.323.975.325)
Tiền trả cổ tức	36	(193.064.481.000)	(120.672.306.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(141.411.250.042)</b>	<b>(246.937.156.411)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> <b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>10.134.143.587</b>	<b>(10.952.008.684)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>36.808.365.238</b>	<b>47.763.775.613</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>367.532</b>	<b>(3.401.691)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b> <b>(70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>46.942.876.357</b>	<b>36.808.365.238</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Phan Quang Thành  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi  
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

# **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

## **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

#### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 VND.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

#### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

#### **(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2020: 6 công ty con) được liệt kê trong Thuyết minh 5(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 280 nhân viên (1/1/2020: 279 nhân viên).

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### **(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(iii) Đầu tư vào công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty về khả năng có thể thu hồi của các khoản phải thu.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp. Dự phòng của hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, trong trường hợp giá gốc nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 30 năm
▪ máy móc, thiết bị	6 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 – 10 năm
▪ dụng cụ quản lý	3 – 6 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm. Khấu hao không được tính cho các lô đất mà Tổng Công ty có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(h) Bất động sản đầu tư**

##### ***Bất động sản đầu tư cho thuê***

###### *Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

###### *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 50 năm
- nhà cửa, vật kiến trúc 48 năm

#### **(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang không được tính trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

#### **(j) Chi phí trả trước dài hạn**

##### **(i) Vỏ bình gas**

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được. Theo đó, vỏ bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

##### **(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.





## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(iii) Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí đền bù đất phát sinh liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê cho các hoạt động sản xuất và gia công, công cụ dụng cụ, bảo hiểm cháy nổ và các chi phí trả trước khác.

Chi phí đền bù đất được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê đất là 45 năm.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí bảo hiểm cháy nổ và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm tùy theo hợp đồng bảo hiểm.

#### **(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

#### **(l) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### **(m) Vốn cổ phần**

##### **(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá mua trừ chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

##### **(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(n) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

#### **(o) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(p) Doanh thu và thu nhập khác**

##### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

##### **(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### **(iii) Doanh thu chuyển nhượng bất động sản**

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(v) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas**

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

**(vi) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(vii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(q) Thuê tài sản**

***Các khoản thanh toán tiền thuê***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(r) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con của Tổng Công ty, công ty mẹ (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam), và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	23.172.975	4.728.607
Tiền gửi ngân hàng	46.919.703.382	36.803.636.631
	46.942.876.357	36.808.365.238

**5. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Chứng khoán kinh doanh**

	Số lượng	31/12/2020		Dự phòng giảm giá VND
		Giá gốc VND	Giá thị trường (*) VND	
<b>Cổ phiếu</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Đệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	990.000.000	(1.620.000.000)
	Số lượng	1/1/2020		Dự phòng giảm giá VND
		Giá gốc VND	Giá thị trường (*) VND	
<b>Cổ phiếu</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Đệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	1.580.000.000	(1.030.000.000)

(\*) Giá thị trường của khoản đầu tư vào công ty này được xác định bằng cách tham chiếu giá bình quân của cổ phiếu của công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) trong vòng 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2020</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý (**) VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	739.100.000.000	739.100.000.000
<hr/>		
	<b>1/1/2020</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý (**) VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	713.300.000.000	713.300.000.000
<hr/>		

(\*\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	% sở hữu và % quyền biểu quyết	31/12/2020			1/1/2020			
		Địa chỉ	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con:								
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	100%	Thành phố Hồ Chí Minh	70.000.000.000	-	(*)	70.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	100%	Đà Nẵng	40.000.000.000	-	(*)	40.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	100%	Hải Phòng	30.000.000.000	-	(*)	30.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	100%	Hà Nội	20.000.000.000	-	(*)	20.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	100%	Cần Thơ Thành phố	27.000.000.000	-	(*)	15.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	51%	Hồ Chí Minh	11.487.708.826	-	(*)	11.487.708.826	-	(*)
			198.487.708.826	-		186.487.708.826	-	

(\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và bên liên quan:

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Các công ty con		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	68.222.114.012	55.009.063.845
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	36.141.794.508	36.111.338.611
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	31.511.491.895	29.534.879.053
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	23.378.885.519	23.815.967.885
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	18.846.964.740	19.308.153.596
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	23.363.134.196	30.374.379.515
<b>Bên khác</b>		
Các khách hàng khác	25.614.620.145	29.640.100.892
	227.079.005.015	223.793.883.397

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	11.259.191.232	12.541.890.555
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	72.574.332.418	93.547.511.643
Phải thu người lao động	341.785.547	1.105.382.768
Phải thu ngắn hạn khác	1.885.416.369	1.727.863.677
	86.060.725.566	108.922.648.643

**8. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	13.471.619.418	45.136.444.430
Nguyên vật liệu	11.760.510.749	11.895.796.762
Hàng hóa	46.609.601.574	61.192.436.094
	71.841.731.741	118.224.677.286

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTPC**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	206.229.788.748	273.095.267.811	41.234.039.021	8.317.743.309	528.876.838.889
Tăng trong năm	-	-	627.000.000	-	627.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	166.011.448	2.579.608.387	-	106.644.600	2.852.264.435
Số dư cuối năm	206.395.800.196	275.674.876.198	41.861.039.021	8.424.387.909	532.356.103.324
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	105.691.332.501	183.570.488.889	23.305.465.434	6.639.132.363	319.206.419.187
Khấu hao trong năm	11.029.357.481	21.652.805.679	3.702.259.306	421.335.306	36.805.757.772
Số dư cuối năm	116.720.689.982	205.223.294.568	27.007.724.740	7.060.467.669	356.012.176.959
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	100.538.456.247	89.524.778.922	17.928.573.587	1.678.610.946	209.670.419.702
Số dư cuối năm	89.675.110.214	70.451.581.630	14.853.314.281	1.363.920.240	176.343.926.365

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 123.050 triệu VND (1/1/2020: 80.291 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	10.576.243.470	10.558.975.636	21.135.219.106
Tăng trong năm	-	225.000.000	225.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	397.523.100	397.523.100
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.576.243.470</b>	<b>11.181.498.736</b>	<b>21.757.742.206</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.389.279.942	10.515.215.833	12.904.495.775
Khấu hao trong năm	113.940.000	45.740.939	159.680.939
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.503.219.942</b>	<b>10.560.956.772</b>	<b>13.064.176.714</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	8.186.963.528	43.759.803	8.230.723.331
Số dư cuối năm	8.073.023.528	620.541.964	8.693.565.492

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 10.519 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 10.519 triệu VND).

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.507.350.001	527.117.387	2.034.467.388
Khấu hao trong năm	139.140.000	43.453.332	182.593.332
Số dư cuối năm	1.646.490.001	570.570.719	2.217.060.720
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	5.450.055.469	1.558.642.408	7.008.697.877
Số dư cuối năm	5.310.915.469	1.515.189.076	6.826.104.545

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ Số 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	11.771.694.697	1.371.524.136
Tăng trong năm	10.222.133.933	13.906.690.226
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(2.852.264.435)	(3.313.206.848)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 10)	(397.523.100)	(40.000.000)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(153.312.817)
Bàn giao cho công ty con	(14.201.152.812)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.542.888.283	11.771.694.697

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Phương tiện vận chuyển	3.741.000.000	-
Mở rộng sức chứa Nhà máy LPG Đà Nẵng	381.818.182	-
Công trình Văn phòng Cần Thơ	89.409.100	10.300.912.379
Công trình cải tạo Chi nhánh Phú Thọ	-	1.227.145.954
Các công trình khác	330.661.001	243.636.364
	<hr/>	<hr/>
	4.542.888.283	11.771.694.697

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Vỏ bình gas</b> <b>VND</b>	<b>Chi phí đất</b> <b>trả trước</b> <b>VND</b>	<b>Chi phí</b> <b>trả trước khác</b> <b>VND</b>	<b>Tổng cộng</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	84.275.390.940	17.096.315.461	13.468.651.044	114.840.357.445
Tăng trong năm	11.498.376.411	-	-	11.498.376.411
Phân bổ trong năm	(16.303.002.108)	(612.469.932)	(391.340.451)	(17.306.812.491)
Thanh lý	(92.632.001)	-	-	(92.632.001)
Xuất bán cho công ty con	(2.270.342.430)	-	-	(2.270.342.430)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	77.107.790.812	16.483.845.529	13.077.310.593	106.668.946.934

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo khách hàng lớn và bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Các công ty con</b>		
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	2.089.218.604	3.825.162.528
<b>Bên khác</b>		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	84.576.965.022	64.258.031.654
Công ty TNHH EI Corporation	68.743.539.264	61.420.096.770
PTT International Trading PTE Ltd	23.375.114.087	83.110.079.484
Công ty TNHH Đầu tư Dầu khí Hà Nội	14.004.715.909	-
Các nhà cung cấp khác	11.101.576.826	21.376.612.288
	<hr/>	<hr/>
	203.891.129.712	233.989.982.724

Khoản phải trả công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020		Số phát sinh trong năm VND		Số bù trừ/đã nộp trong năm VND		31/12/2020	
	Phải thu VND	Phải trả VND	Số phát sinh trong năm VND	Số bù trừ/đã nộp trong năm VND	Phải thu VND	Phải trả VND	Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	-	703.113.634	508.913.307.658	(509.042.787.629)	-	-	-	573.633.663
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	99.489.813.765	(99.489.813.765)	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.320.185.033	10.460.838.593	(8.972.743.893)	-	-	-	4.808.279.733
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.871.043.206	36.752.518.632	(38.093.563.433)	-	-	-	529.998.405
Thuế thu nhập cá nhân	(986.155.283)	-	5.263.281.869	(2.969.835.073)	-	-	-	1.307.291.513
Thuế khác	-	-	358.817.724	(358.817.724)	-	-	-	-
	(986.155.283)	5.894.341.873	661.238.578.241	(658.927.561.517)	-	-	-	7.219.203.314

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Lãi vay	477.864.775	566.491.722
Chi phí xây dựng chưa quyết toán	-	9.104.836.347
Trích trước chi phí hoạt động	817.832.628	1.649.495.928
	<hr/> 1.295.697.403	<hr/> 11.320.823.997

**17. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm	719.297.376	454.302.210
Cổ tức phải trả	322.171.820	300.940.820
Hàng hóa đi mượn	45.421.200	1.823.493.790
Phải trả ngắn hạn khác	2.296.980.653	2.131.627.563
	<hr/> 3.383.871.049	<hr/> 4.710.364.383

**(b) Phải trả dài hạn khác**

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

**18. Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2020</b>	<b>Biến động trong năm</b>		<b>31/12/2020</b>
	<b>Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>Tăng VND</b>	<b>Giảm VND</b>	<b>Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND</b>
Vay ngắn hạn	627.915.233.786	1.846.920.720.506	(1.795.267.489.548)	679.568.464.744
	<hr/> 627.915.233.786	<hr/> 1.846.920.720.506	<hr/> (1.795.267.489.548)	<hr/> 679.568.464.744

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	346.285.488.699	290.187.624.266
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	28.834.874.679	179.649.420.291
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH	VND	98.512.869.439	74.207.124.571
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	174.117.723.730	67.567.732.730
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	VND	31.817.508.197	16.303.331.928
		<b>679.568.464.744</b>	<b>627.915.233.786</b>

Các khoản vay ngân hàng là các khoản vay tín chấp.

## **19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2020 VND</b>	<b>2019 VND</b>
Số dư đầu năm	5.277.175.802	2.739.946.586
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	13.245.542.900	13.164.833.635
Sử dụng trong năm	(16.495.453.906)	(10.627.604.419)
Số dư cuối năm	<b>2.027.264.796</b>	<b>5.277.175.802</b>



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2019</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	85.607.285.170	152.553.700.682	841.537.665.852
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	149.518.642.593	149.518.642.593
Phân bổ vào các quỹ	-	-	11.531.451.174	(11.531.451.174)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(13.164.833.635)	(13.164.833.635)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(120.678.570.000)	(120.678.570.000)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2020</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	97.138.736.344	156.697.488.466	857.212.904.810
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	111.507.906.335	111.507.906.335
Phân bổ vào các quỹ	-	-	14.744.350.551	(14.744.350.551)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(13.245.542.900)	(13.245.542.900)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(193.085.712.000)	(193.085.712.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2020</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	111.883.086.895	47.129.789.350	762.389.556.245



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	60.342.638	603.426.380.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.392.850.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**22. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**23. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 22 tháng 5 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền mặt trị giá 120.679 triệu VND (2019: 120.679 triệu VND). Theo thông báo ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã quyết định tạm ứng khoản cổ tức 72.407 triệu VND.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	<b>31/12/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Gas giữ hộ bên thứ ba	857.397.120	1.493.633.475

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2020</b>		<b>1/1/2020</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	613,70	14.136.580	615,35	14.220.740
Euro (“EUR”)	147,17	4.110.900	158,09	4.079.671
		<u>18.247.480</u>		<u>18.300.411</u>

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng	2.115.516.040.963	2.434.782.681.199
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.686.107.731	11.601.833.067
▪ Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	14.691.855.645	-
▪ Doanh thu cho thuê	4.352.905.484	3.312.743.284
▪ Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vỏ bình gas	7.908.137.725	7.722.643.179
	<u>2.151.155.047.548</u>	<u>2.457.419.900.729</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(3.253.764.484)	(3.363.522.869)
Doanh thu thuần	<u>2.147.901.283.064</u>	<u>2.454.056.377.860</u>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	2.003.137.671.900	2.313.742.436.659
▪ Cung cấp dịch vụ	10.716.082.071	12.282.053.475
▪ Chuyển nhượng bất động sản	14.201.152.812	-
▪ Kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	2.670.108.309	2.495.308.521
	<hr/>	<hr/>
	2.030.725.015.092	2.328.519.798.655
	<hr/>	<hr/>

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	43.180.657.839	46.455.073.078
Lợi nhuận được chia	73.945.399.485	98.688.024.286
Lãi bán hàng trả chậm	385.930.918	5.361.796.273
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.120.553.043	3.235.160.465
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.148.122	20.235.761
Doanh thu tài chính khác	-	990.000
	<hr/>	<hr/>
	120.649.689.407	153.761.279.863
	<hr/>	<hr/>

**28. Chi phí tài chính**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	30.812.729.077	44.110.589.461
Chi phí mua hàng trả chậm	691.095.935	668.184.432
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	590.000.000	(570.000.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.606.238.995	829.360.530
	<hr/>	<hr/>
	33.700.064.007	45.038.134.423
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Chi phí bán hàng**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	3.812.333.872	2.069.826.768
Chi phí khấu hao	295.629.775	312.353.478
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	16.303.002.108	16.342.261.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.035.108.689	9.566.856.173
Chi phí bán hàng khác	14.147.464.115	8.455.542.284
	<hr/> 41.593.538.559	<hr/> 36.746.839.931

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	24.831.595.303	18.027.779.220
Chi phí khấu hao	1.813.186.988	1.833.459.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.163.903.399	14.947.321.438
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.576.943.303	4.883.789.366
	<hr/> 44.385.628.993	<hr/> 39.692.349.204

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	19.176.999.855	28.282.213.435
Chi phí nhân viên	80.997.247.070	67.425.210.174
Chi phí khấu hao	37.760.501.975	41.033.382.726
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.446.521.322	65.756.487.269
Chi phí khác	44.486.648.723	39.274.938.112
	<hr/> 135.868.328.945	<hr/> 132.772.231.716

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	10.460.838.593	13.071.022.612
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	121.225.011	(230.892.670)
Chi phí thuế thu nhập	10.582.063.604	12.840.129.942

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	122.089.969.939	162.358.772.535
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	24.417.993.988	32.471.754.507
Chi phí không được khấu trừ thuế	953.149.513	105.980.292
Thu nhập không bị tính thuế (*)	(14.789.079.897)	(19.737.604.857)
	10.582.063.604	12.840.129.942

(\*) Đây là các khoản thu nhập từ cổ tức thu được từ các khoản đầu tư vào các công ty con.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b>		
Lợi nhuận phân phối	101.133.756.800	63.208.598.000
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội</b>		
Bán hàng hóa	257.912.818.092	293.795.957.137
Lợi nhuận được chia	12.810.520.243	18.225.924.003
<b>Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn</b>		
Bán hàng hóa	447.424.845.476	501.198.112.936
Lợi nhuận được chia	28.144.693.033	29.562.836.018
<b>Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng</b>		
Bán hàng hóa	380.389.579.380	434.069.034.880
Lợi nhuận được chia	13.477.944.199	19.371.662.762
<b>Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ</b>		
Bán hàng hóa	168.550.495.549	179.482.547.793
Lợi nhuận được chia	3.789.301.975	3.476.591.783
<b>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng</b>		
Bán hàng hóa	386.405.871.337	444.729.779.749
Lợi nhuận được chia	14.351.872.968	18.030.536.189
<b>Công ty TNHH Cơ Khí Gas P.M.G</b>		
Mua hàng hóa	20.378.877.000	21.942.475.640
Lợi nhuận được chia	1.371.067.067	9.990.473.531
<b>Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b>		
<b>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</b>		
Bán hàng hóa	41.821.755.268	46.773.902.866
<b>Công ty Xăng dầu Hà Giang</b>		
Bán hàng hóa	31.908.256.584	31.828.045.276
<b>Chi Nhánh Xăng dầu Lạng Sơn – Công ty Xăng dầu Hà Bắc</b>		
Bán hàng hóa	22.629.794.049	26.396.779.744

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Xăng dầu Bắc Thái</b> Bán hàng hóa	17.086.401.464	20.641.518.502
<b>Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc – Công ty Xăng dầu Khu vực I</b> Bán hàng hóa	18.430.488.781	20.851.811.290
<b>Chi nhánh Xăng dầu Sơn La – Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình</b> Bán hàng hóa	17.612.343.324	20.630.480.919
<b>Công ty Xăng dầu Tuyên Quang</b> Bán hàng hóa	20.271.137.972	20.792.297.044
<b>Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b> Bán hàng hóa	85.804.606.268	108.263.374.499
<b>Hội đồng Quản trị</b> <b>Ông Nguyễn Quang Dũng – Chủ tịch</b> Thù lao	196.027.177	132.978.015
<b>Ông Trịnh Quang Vinh – Chủ tịch (đến ngày 5/7/2020)</b> Thù lao	734.303.443	1.052.133.745
<b>Ông Vũ Hồng Khánh – Ủy viên</b> Thù lao	-	-
<b>Ông Phan Phương Anh – Ủy viên</b> Thù lao	162.055.844	132.978.015
<b>Ông Trần Vũ Nam – Ủy viên</b> Thù lao	162.055.844	132.978.015
<b>Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác</b> <b>Ông Vũ Hồng Khánh – Tổng Giám đốc</b> Lương và thưởng	1.157.541.741	949.842.964
<b>Ông Phạm Thanh Sơn – Phó Tổng Giám đốc</b> Lương và thưởng	810.279.219	664.890.075
<b>Ông Nguyễn Khắc Trí – Phó Tổng Giám đốc</b> Lương và thưởng	810.279.219	664.890.075
<b>Ông Nguyễn Hữu Quang – Phó Tổng Giám đốc</b> Lương và thưởng	810.279.219	664.890.075

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ông Nguyễn Đăng Công – Phó Tổng Giám đốc</b> Lương và thưởng	810.279.219	664.890.075
<b>Bà Đỗ Thị Vân Chi – Kế toán trưởng</b> Lương và thưởng	699.867.545	574.289.669
<b>Ban Kiểm soát</b> <b>Ông Kiều Văn Chiến – Trưởng ban</b> Thù lao	810.279.219	664.890.075
<b>Bà Lê Thị Hải – Thành viên</b> Thù lao	566.305.036	464.692.404
<b>Ông Doãn Duy Đạo – Thành viên</b> Thù lao	-	-

**34. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Phan Quang Thành  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi  
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc